TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-02-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa chị Hg Thị H và anh Nguyễn Hồng P

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Oanh và bà Nguyễn Thị Nhiễu.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Doãn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX -ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hg Thị H, sinh năm 1988;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1988;

Đều cư trú tại địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2023, bản tự khai đề ngày 20 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hg Thị H trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hồng P kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 28 tháng 11 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh P không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc. Chị đã cho anh P rất nhiều cơ hội; gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh P vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Vì thương con nên chị đã cố gắng nín nhịn, chịu đựng. Đến tháng 02 năm 2020, chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị và anh P sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

1.2 Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn A, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2019. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị và anh P ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho chị được quyền nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị kinh doanh dịch vụ làm đẹp (làm tóc), thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

1.3 Về chia tài sản chung: Chị và anh P không có tài sản chung, không có khoản vay nợ chung cá nhân, cơ quan, tổ chức xã hội nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Nguyễn Hồng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng anh P không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy anh P không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04 tháng 01 năm 2024, ông Nguyễn Đình S (là bố đẻ của anh P) trình bày:

Anh P và chị H kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh P sinh sống tại gia đình ông. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống bình thường không có nhiều mâu thuẫn. Tuy nhiên, khoảng 4-5 năm trở về trước, anh P không tu chí làm ăn, không biết lo toan, vun vén cho gia đình nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bản thân ông đã khuyên bảo anh P nhưng anh P không thay đổi. Hiện anh P và chị H sống ly thân, mỗi người một nơi. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh P, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H để chị H ổn định cuộc sống. Ông xác đình anh P không thể thay đổi được tính tình nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh P, chị H ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu A. Hiện cháu A do chị

H nuôi dưỡng, chị H có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản: Ông S trình bày như lời trình bày của chị H.

Về địa chỉ cư trú của anh P và việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh P hiện đăng ký thường trú tại thôn N, xã M, huyện V nhưng đã bỏ vào miền Nam làm ăn. Anh P vẫn thường xuyên liên lạc với ông qua điện thoại nhưng không nói cho ông biết địa chỉ cụ thể hiện nay của anh P. Các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh P, đề nghị Tòa án giao, gửi thông qua ông. Ông sẽ nhận thay cho anh P và cam kết sẽ gọi điện thông báo lại ngay cho anh P biết. Ông đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án Tòa án gửi cho anh P. Ông đã gọi điện thoại thông báo cho anh P nhưng anh P nói lại với ông là tùy chị H, anh P không về Tòa án làm việc được.

4.Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04 tháng 01 năm 2024, ông Hg Trọng Ưng (là bố đẻ của chị H) trình bày:

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H chung sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh P không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc. Chị H đã chịu đựng nhiều năm và gia đình hai bên đã bảo ban nhưng anh P không thay đổi. Vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Hiện anh P bỏ đi vào miền Nam làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh P, bản thân ông là người làm cha, ông không mong muốn vợ chồng ly tán để cháu ông thiệt thòi. Nhưng do anh P vẫn không thay đổi bản thân nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H và anh P ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu A. Chị H có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để chăm sóc chu đáo cho cháu An. Gia đình ông cũng sẽ hỗ trợ chị H trong việc chăm sóc cháu. Về tài sản: Ông Ưng trình bày như lời trình bày của chị H.

5. Biên bản xác minh ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình thể hiện: Anh P và chị H xảy ra mâu thuẫn khoảng 04 năm trước do anh P không tu chí làm ăn, thường chơi lô đề, cờ bạc. Cuộc sống hôn nhân của anh, chị không được hạnh phúc. Anh P và chị H đã sống ly thân được khoảng 04 năm. Hiện anh P vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã M nhưng không sinh sống thường xuyên ở địa phương. Địa phương không rõ địa chỉ anh P hiện đang sinh sống. Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh P của chị H, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện chị H đang nuôi dưỡng cháu A. Đề nghị Tòa án xem xét việc giao con chung theo quy định của pháp luật. Địa phương không rõ anh P làm công việc gì còn chị H kinh doanh dịch vụ làm đẹp (làm tóc) tại địa phương, thu nhập của chị

H khá ổn định. Về tài sản: Địa phương không nắm được tài sản chung của vợ chồng chị H, anh P. Anh chị không có khoản vay nợ chung tổ chức xã hội nào tại địa phương.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về N dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016: Xử cho chị Hg Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng P; Xử giao cho chị Hg Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Khánh A, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2019. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Hg Thị H khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Hồng P có đăng ký thường trú tại thôn N, xã M, huyện V, tỉnhThái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyệnV.

[1.2] Nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2.Về N dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Hôn nhân giữa chị Hg Thị H và anh Nguyễn Hồng P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp

pháp. Lời khai của chị H, ông S, ông Ưng và kết quả xác minh của Tòa án đều thể hiện: Quá trình chung sống, do anh P không tu chí làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Tuy nhiên chị H cũng cho anh P nhiều cơ hội, gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo nhưng anh P vẫn không thay đổi. Anh chị sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai. Anh Nguyễn Hồng P không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Điều đó thể hiện anh P không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị H và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Hg Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng P.

[2.2] Về con chung: Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Qua xác minh, lấy lời khai của người làm chứng, HĐXX xét thấy: chị H có thu nhập và có đủ điều kiện để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Anh P không thể hiện quan điểm về việc nuôi con chung. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con Nguyễn A cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị H.

[**2.3**] **Về tài sản**: Do chưa có lời trình bày của anh P, chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị H và anh P có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[**2.4**] **Về án phí**: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Hg Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng P.

2. **Về con chung:** Xử giao cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn A, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2019. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị H, anh P có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. **Về tài sản chung:** Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hg Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0001558 ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hg Thị H và anh Nguyễn Hồng P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục THA Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện V (GCNKH số 62/2011 ngày 28/11/2011).
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)